BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 1 (501 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00261	Đoàn Phương	An	Nữ	05.08.2004			
2	B00262	Nghiêm Thái	An	Nam	09.08.2003	Hà Nội		
3	B00263	Lăng Xuân	An	Nữ	10.02.2004	Lạng Sơn		
4	B00264	Phạm Trọng Phương	An	Nam	30.09.2004	Nghệ An		
5	B00265	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	19.10.2002	Hà Nội		
6	B00266	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	22.09.2004	Hà Nội		
7	B00267	Lê Minh Quỳnh	Anh	Nữ	31.08.2004	Thanh Hóa		
8	B00268	Lê Lan	Anh	Nữ	11.02.2004	Thanh Hóa		
9	B00269	Vũ Trần Vân	Anh	Nữ	16.06.2004	Nam Định		
10	B00270	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	11.06.2004	Đà Nẵng		
11	B00271	Lê Thị Châu	Anh	Nữ	06.05.2004	Hà Tĩnh		
12	B00272	Phan Thị Vân	Anh	Nữ	02.07.2003	Hưng Yên		
13	B00273	Nguyễn Hương	Anh	Nữ	03.04.2003	Hưng Yên		
14	B00274	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	05.12.2004	Hà Tây		
15	B00275	Quách Thị Vân	Anh	Nữ	26.02.2002	Hà Tây		
16	B00276	Nguyễn Diệu	Anh	Nữ	25.06.2002	Hà Nội		
17	B00277	Phạm Đình Việt	Anh	Nam	29.08.2004	Hà Nội		
18	B00278	Trần Thị	Ánh	Nữ	05.01.2004	Hà Nội		
19	B00279	Nguyễn Minh	Ánh	Nữ	14.03.2004	Hà Tây		
20	B00280	Trần Minh	Ánh	Nữ	01.10.2004	Hà Tĩnh		
21	B00281	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	26.11.2004	Ninh Bình		
22	B00282	Võ Thị Ngọc	Ánh	Nữ	31.10.2004	Hà Tĩnh		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 2 (502 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00283	Nguyễn Hương	Bình	Nữ	04.05.2003	Gia Lai		
2	B00284	Trần Đỗ Châu	Bình	Nữ	15.03.2004	Hà Tây		
3	B00285	Lê Đỗ Thành	Công	Nam	21.04.2004	Sơn La		
4	B00286	Hoàng Mạnh	Cường	Nam	01.11.2004	Ninh Bình		
5	B00287	Hà Minh Bảo	Châu	Nữ	02.08.2004	Phú Thọ		
6	B00288	Trần Quỳnh	Chi	Nữ	18.07.2004	Hà Nội		
7	B00289	Phạm Thị Kim	Chi	Nữ	19.10.2004	Hà Tây		
8	B00290	Ma Thị	Chi	Nữ	26.09.2004	Tuyên Quang		
9	B00291	Tống Trần Lệ	Chi	Nữ	22.07.2002	Lạng Sơn		
10	B00292	Phạm Thị Linh	Chi	Nữ	20.03.2003	Nghệ An		
11	B00293	Đoàn Mai	Chi	Nữ	06.02.2004	Ninh Bình		
12	B00294	Nguyễn Quỳnh	Chi	Nữ	15.10.2004	Hà Nội		
13	B00295	Phạm Thị Tuyết	Chinh	Nữ	14.06.2003	Ninh Bình		
14	B00296	Sùng A	Chú	Nam	02.06.2003	Yên Bái		
15	B00297	Lê Văn	Chung	Nam	27.04.2004	Thanh Hóa		
16	B00298	Trịnh Thị	Dịu	Nữ	15.01.2004	Thanh Hóa		
17	B00299	Khiếu Phong	Du	Nam	10.01.2004	Hưng Yên		
18	B00300	Hoàng Thị	Dung	Nữ	11.10.2004	Thái Bình		
19	B00301	Cao Thị Ngọc	Dung	Nữ	20.10.1998	Hà Nội		
20	B00302	Võ Thị Thùy	Dung	Nữ	27.10.2004	Hà Tĩnh		
21	B00303	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	02.08.2004	Thanh Hóa		
22	B00304	Lương Văn	Dũng	Nam	25.01.2004	Quảng Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 3 (503 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00305	Trịnh Mỹ	Duyên	Nữ	22.07.2004	Sơn La		
2	B00306	Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16.12.2004	Hải Phòng		
3	B00307	Phạm Thế	Duyệt	Nam	02.08.2003	Nam Định		
4	B00308	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	10.08.2004	Thanh Hóa		
5	B00309	Vi Thị Thùy	Dương	Nữ	24.07.2002	Hòa Bình		
6	B00310	Lưu Ánh	Dương	Nữ	05.12.2004	Lào Cai		
7	B00311	Phạm Văn	Đạt	Nam	19.02.2003	Thanh Hóa		
8	B00312	Phạm Vũ	Đạt	Nam	18.08.2003	Nam Định		
9	B00313	Nguyễn Hoàng	Đức	Nam	03.06.1998	Thanh Hóa		
10	B00314	Trần Thị Trà	Giang	Nữ	26.02.2002	Hà Tĩnh		
11	B00315	Bùi Nguyễn Lam	Giang	Nữ	28.08.2004	Thanh Hóa		
12	B00316	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	13.11.2003	Hà Tây		
13	B00317	Nguyễn Nguyên	Giáp	Nam	08.11.2004	Hà Nội		
14	B00318	Khương Hoàng	Hà	Nữ	12.09.2004	Quảng Ninh		
15	B00319	Điêu Thanh	Hà	Nữ	31.10.2003	Hà Nội		
16	B00320	Ngô Thị Hải	Hà	Nữ	19.03.2002	Nam Định		
17	B00321	Nguyễn Trần Thu	Hà	Nữ	27.06.2003	Nam Định		
18	B00322	Nghiêm Thị Thu	Hà	Nữ	09.09.1991	Hà Nội		
19	B00323	Ninh Nguyệt	Hà	Nữ	12.08.1996	Thanh Hóa		
20	B00324	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	01.09.2004	Thanh Hóa		
21	B00325	Bùi Thị Hồng	Hải	Nữ	28.09.1988	Hưng Yên		
22	B00326	Hà Mỹ	Hạnh	Nữ	12.05.2004	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 4 (504 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00327	Nguyễn Thị	Hảo	Nữ	23.07.2004	Vĩnh Phúc		
2	B00328	Đào Thị Thúy	Hằng	Nữ	10.09.2003	Hưng Yên		
3	B00329	Dương Thúy	Hằng	Nữ	24.02.2004	Hà Nam		
4	B00330	Vũ Minh	Hằng	Nữ	10.10.2004	Hải Phòng		
5	B00331	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	22.12.2001	Bắc Giang		
6	B00332	Phạm Thị	Hiền	Nữ	21.09.1985	Hà Nội		
7	B00333	Nguyễn Phúc	Hiệp	Nam	11.04.2007	Hải Phòng		
8	B00334	Linh Văn	Hiếu	Nam	12.12.1997	Hà Nội		
9	B00335	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	25.08.2003	Hưng Yên		
10	B00336	Bùi Minh	Hiếu	Nam	17.06.2003	Quảng Ninh		
11	B00337	Nguyễn Hồng	Hoa	Nữ	17.08.2004	Lào Cai		
12	B00338	Tạ Thị	Hoa	Nữ	02.12.2001	Bắc Giang		
13	B00339	Dương Phương	Hoa	Nữ	09.06.2004	Bắc Giang		
14	B00340	Phạm Ngọc	Hòa	Nam	17.02.2003	Thanh Hóa		
15	B00341	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	05.11.2003	Hà Tây		
16	B00342	Hoàng Thị Minh	Hoài	Nữ	25.10.2002	Nghệ An		
17	B00343	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	28.04.2004	Nam Định		
18	B00344	An Thị	Hồng	Nữ	08.03.1985	Bắc Giang		
19	B00345	Trần Thị	Huệ	Nữ	18.08.1986	Thanh Hóa		
20	B00346	Nguyễn Phi	Hùng	Nam	01.03.2004	Hà Nội		
21	B00347	Phạm Anh	Hùng	Nam	10.05.2003	Hưng Yên		
22	B00348	Nguyễn Viết	Huy	Nam	10.06.2002	Bắc Ninh		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 5 (505 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00349	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	19.09.1987	Hà Nội		
2	B00350	Lê Thị Khánh	Huyền	Nữ	02.09.2004	Thái Bình		
3	B00351	Trần Thị Ngọc	Huyền	Nữ	16.11.2004	Nam Định		
4	B00352	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Nữ	16.05.2004			
5	B00353	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	03.01.2003	Nghệ An		
6	B00354	Võ Thị Khánh	Huyền	Nữ	03.08.2002	Hà Tĩnh		
7	B00355	Nguyễn Minh	Huyền	Nữ	05.04.2004	Hà Nội		
8	B00356	Trần Thanh	Huyền	Nữ	14.04.2003	Hà Nội		
9	B00357	Thái Thị	Huyền	Nữ	15.08.2004	Nghệ An		
10	B00358	Hoàng Thục	Huyền	Nữ	25.05.2004	Nghệ An		
11	B00359	Nguyễn Thành	Hưng	Nam	05.10.2004	Hưng Yên		
12	B00360	Nguyễn Quang	Hưng	Nam	21.07.2002	Hải Phòng		
13	B00361	Vương Thị	Hường	Nữ	14.12.1993	Hà Nội		
14	B00362	Đặng Trung	Kiên	Nam	21.10.2004	Nam Định		
15	B00363	Đoàn Mai	Khanh	Nữ	20.11.1991	Hà Nội		
16	B00364	Phạm Tùng	Lâm	Nam	18.03.2003	Bắc Ninh		
17	B00365	Lý Khánh	Lâm	Nam	05.09.2004	Lào Cai		
18	B00366	Văn Hoàng	Lân	Nam	08.09.2003	Phú Thọ		
19	B00367	Vũ Thị Hoài	Linh	Nữ	09.08.2004	Ninh Bình		
20	B00368	Bùi Thị Thùy	Linh	Nữ	17.02.2004	Nam Định		
21	B00369	Ngô Thị Thùy	Linh	Nữ	28.12.2004	Hà Tây		
22	B00370	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	11.12.2003	Sơn La		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 6 (506 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00371	Hoàng Ngọc	Linh	Nữ	21.01.2004	Tuyên Quang		
2	B00372	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	25.01.2003	Hà Nội		
3	B00373	Mai Thị	Linh	Nữ	07.05.2004	Thanh Hóa		
4	B00374	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	10.06.2004	Hà Nội		
5	B00375	Trần Đức	Linh	Nam	06.10.2004	Hà Nội		
6	B00376	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	06.01.2004	Bắc Ninh		
7	B00377	Phạm Khánh	Linh	Nữ	12.09.2002	Hải Phòng		
8	B00378	Chu Kiều	Linh	Nữ	02.04.2003	Thái Nguyên		
9	B00379	Lê Khánh	Linh	Nữ	20.01.2004	Tuyên Quang		
10	B00380	Nông Khánh	Linh	Nữ	02.12.2003	Lào Cai		
11	B00381	Nguyễn Tú	Linh	Nữ	11.07.2004	Hòa Bình		
12	B00382	Đỗ Thị Khánh	Loan	Nữ	21.12.2004	Thanh Hóa		
13	B00383	Phạm Thanh	Loan	Nữ	10.12.2004	Hải Phòng		
14	B00384	Đoàn Ngọc	Long	Nam	03.04.2000	Hà Nội		
15	B00385	Bùi Văn	Long	Nam	24.02.2003	Phú Thọ		
16	B00386	Đinh Thị Cẩm	Ly	Nữ	11.02.2003	Ninh Bình		
17	B00387	Ngô Thị Cẩm	Ly	Nữ	29.12.2001	Hà Nội		
18	B00388	Phan Minh	Lý	Nữ	20.12.2004	Lào Cai		
19	B00389	Nguyễn Thị Hồng	Lý	Nữ	09.05.1988	Phú Thọ		
20	B00390	Vũ Hiền	Mai	Nữ	18.03.2004	K ghi		
21	B00391	Trần Thị Thu	Mai	Nữ	12.10.2004	Thái Bình		
22	B00392	Phạm Ngọc	Mai	Nữ	04.01.2004	Hải Dương		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 7 (507 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00393	Lò Thị	Mai	Nữ	26.07.2004	Điện Biên		
2	B00394	Đặng Trà	Mi	Nữ	24.12.1992	Hà Nội		
3	B00395	Trần Hồng	Minh	Nữ	13.12.2004	Thái Bình		
4	B00396	Vũ Quang	Minh	Nam	09.10.2006	Thanh Hóa		
5	B00397	Đoàn Quang	Minh	Nam	29.06.2004	Hà Nội		
6	B00398	Nguyễn Tuấn	Minh	Nam	04.08.2004	Quảng Ninh		
7	B00399	Nguyễn Nguyệt	Minh	Nữ	09.04.2003	Yên Bái		
8	B00400	Tống Thị Nhật	Minh	Nữ	02.05.2004	Ninh Bình		
9	B00401	Lâm Vũ Trà	My	Nữ	21.09.2004	Tuyên Quang		
10	B00402	Lưu Trà	My	Nữ	14.07.2002	Hà Nội		
11	B00403	Vũ Trà	My	Nữ	02.10.2001	Lai Châu		
12	B00404	Nguyễn Đặng Trà	My	Nữ	20.02.2004	Quảng Ninh		
13	B00405	Phương Hoàng	Mỹ	Nữ	07.10.2004	Bắc Giang		
14	B00406	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	27.08.2003	Hà Tĩnh		
15	B00407	Lê Thị An	Na	Nữ	09.01.2004	Nghệ An		
16	B00408	Trần Duy	Nam	Nam	21.12.2004	Nam Định		
17	B00409	Nguyễn Thúy	Nga	Nữ	15.03.2004	Hà Nội		
18	B00410	Nguyễn Bảo	Ngọc	Nữ	09.11.2004	Hòa Bình		
19	B00411	Phùng Bích	Ngọc	Nữ	11.12.2004	Hải Phòng		
20	B00412	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	Nữ	15.01.2004	Bắc Giang		
21	B00413	Hoàng Bảo	Ngọc	Nữ	27.01.2004	Phú Thọ		
22	B00414	Kiều Bích	Ngọc	Nữ	23.09.2004	Bắc Giang		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 8 (508 - tầng 5 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00415	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	25.07.2002	Nam Định		
2	B00416	Dương Thị Hồng	Ngọc	Nữ	13.10.2003	Hà Nội		
3	B00417	Triệu Minh	Ngọc	Nữ	26.05.2004	Hải Phòng		
4	B00418	Phạm Minh	Ngọc	Nữ	24.12.2004	Hà Nội		
5	B00419	Ma Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25.11.2004	Tuyên Quang		
6	B00420	Đỗ Khắc	Ngọc	Nam	06.11.1985	Hà Nội		
7	B00421	Lê Hạnh	Nguyên	Nữ	26.07.2004	Thanh Hóa		
8	B00422	Nguyễn Thị	Nguyệt	Nữ	14.09.2003	Thái Bình		
9	B00423	Phạm Minh	Nguyệt	Nữ	25.11.2001	Hòa Bình		
10	B00424	Bùi Minh	Nguyệt	Nữ	25.10.2004	Thái Bình		
11	B00425	Hoàng Thị	Nhanh	Nữ	29.08.1989	Thanh Hóa		
12	B00426	Phan Tư	Nhật	Nam	06.02.2004	Hà Nội		
13	B00427	Văn Thị Phương	Nhi	Nữ	19.01.2004	Thanh Hóa		
14	B00428	Khương Thảo	Nhi	Nữ	02.06.2004	Vĩnh Phúc		
15	B00429	Hoàng Thị Kiều	Oanh	Nữ	15.11.2004	TP HCM		
16	B00430	Đinh Kỳ	Oanh	Nam	10.09.2002	Ninh Bình		
17	B00431	Hoàng Tuấn	Phi	Nam	05.05.2003	Nghệ An		
18	B00432	Vũ Mạnh	Phong	Nam	11.12.2004	Bắc Ninh		
19	B00433	Vương Trần Nam	Phương	Nữ	31.01.2004	Hà Nội		
20	B00434	Phạm Thị Mai	Phương	Nữ	25.09.2004	Phú Thọ		

Số thí sinh theo danh sách: 20

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 9 (606 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00435	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	28.12.2004	Quảng Ninh		
2	B00436	Lê Thị Hà	Phương	Nữ	17.05.2002	Thanh Hóa		
3	B00437	Vũ Thanh	Phương	Nữ	04.02.2003	Ninh Bình		
4	B00438	Trương Hà	Phương	Nữ	10.08.2004	Ninh Bình		
5	B00439	Lê Thị	Phương	Nữ	15.07.2004	Thanh Hóa		
6	B00440	Nguyễn Thu	Phương	Nữ	12.01.2002	Bắc Ninh		
7	B00441	Doãn Thị	Phượng	Nữ	03.06.2002	Ninh Bình		
8	B00442	Nguyễn Quý	Quang	Nam	22.11.2003	K ghi		
9	B00443	Lê Hoàng	Quân	Nam	13.09.2004	Quảng Ninh		
10	B00444	Cao Thanh	Quí	Nam	26.02.1995	Nam Định		
11	B00445	Chu Văn	Quyền	Nam	17.09.2003	Nghệ An		
12	B00446	Ngô Diễm	Quỳnh	Nữ	22.04.2004	Bắc Ninh		
13	B00447	Chu Thị	Quỳnh	Nữ	17.07.2004	Nam Định		
14	B00448	Nguyễn Thúy	Quỳnh	Nữ	24.06.1979	Hà Nội		
15	B00449	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	25.11.2002	Bắc Ninh		
16	B00450	Nguyễn Bảo	Quỳnh	Nữ	12.11.2003	Hà Nội		
17	B00451	Đặng Thái	Sơn	Nam	01.06.2002	Bắc Giang		
18	B00452	Trần Công	Sơn	Nam	09.06.2001	Thái Bình		
19	B00453	Hồ Hữu	Tài	Nam	01.05.2003	Nghệ An		
20	B00454	Phùng Thế	Tài	Nam	22.04.2003	Hà Nội		
21	B00455	Trương Thị Mỹ	Tâm	Nữ	20.10.2002	Thanh Hóa		
22	B00456	Nguyễn Thị Hạnh	Tâm	Nữ	25.03.2004	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 10 (607 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00457	Hoàng Thị Thủy	Tiên	Nữ	11.01.2004	Yên Bái		
2	B00458	Nguyễn Thị	Tĩnh	Nữ	28.01.2004	Thanh Hóa		
3	B00459	Trần Hương	Tú	Nữ	15.10.2004	Nam Định		
4	B00460	Phạm Quang	Tú	Nam	24.05.2004	Hà Nội		
5	B00461	Đỗ Minh	Tuấn	Nam	08.01.2003	Hà Nội		
6	B00462	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	Nữ	29.10.2004	Thanh Hóa		
7	B00463	Trần Ngọc	Thạch	Nam	30.09.2003	Hà Nội		
8	B00464	Lùng Phạm Hồng	Thái	Nam	20.10.2004	K ghi		
9	B00465	Lê Phương	Thanh	Nữ	18.06.2004	Phú Thọ		
10	B00466	Nguyễn Thị Thái	Thanh	Nữ	02.01.2004	Kon Tum		
11	B00467	Vũ Thị	Thanh	Nữ	14.09.2004	Thanh Hóa		
12	B00468	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	27.05.2000	Vĩnh Phúc		
13	B00469	Phạm Thị Phương	Thảo	Nữ	24.09.2004	Hải Phòng		
14	B00470	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	17.03.2004	Hà Tây		
15	B00471	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	04.09.2002	Bắc Giang		
16	B00472	Trần Phương	Thảo	Nữ	16.12.2004	Hà Nội		
17	B00473	Nguyễn Phương	Thảo	Nữ	25.07.2001	Quảng Ninh		
18	B00474	Cao Thị Phương	Thảo	Nữ	13.10.2002	Lào Cai		
19	B00475	Vũ Thị Thu	Thảo	Nữ	07.03.2004	Ninh Bình		
20	B00476	Lý Phương	Thảo	Nữ	21.04.2002	Hà Giang		
21	B00477	Cao Đức	Thiện	Nam	11.01.2004	Hà Tây		
22	B00478	Kiều Thị	Thoan	Nữ	01.11.1991	Hà Nội		

Số thí sinh theo danh sách: 22

Số thí sinh dự thi:

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 11 (608 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00479	Đặng Thị	Thoi	Nữ	09.01.1979	Thái Bình		
2	B00480	Kiều Thị	Thu	Nữ	12.05.1985	Hà Tây		
3	B00481	Hà Thị Nguyệt	Thu	Nữ	11.06.2004	Thanh Hóa		
4	B00482	Nguyễn Thị	Thu	Nữ	22.08.2003	Hà Giang		
5	B00483	Đoàn Kim	Thu	Nữ	06.10.2004	Ninh Bình		
6	B00484	Lò Văn	Thuận	Nam	18.08.2003	Thanh Hóa		
7	B00485	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	18.03.2003	Nghệ An		
8	B00486	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	14.07.2007	Bắc Ninh		
9	B00487	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	12.01.1995	Hà Nội		
10	B00488	Hoàng Thu	Thủy	Nữ	11.11.1991	Hà Nội		
11	B00489	Võ Thị Tiểu	Thúy	Nữ	16.02.2003	Nghệ An		
12	B00490	Đinh Thị Thu	Thúy	Nữ	23.09.2002	Hà Nội		
13	B00491	Lê Minh	Thư	Nữ	20.11.2004	Trà Vinh		
14	B00492	Phạm Thị Úy	Thương	Nữ	14.12.2003	Nam Định		
15	B00493	Đậu Hoài	Thương	Nữ	29.05.2002	Nghệ An		
16	B00494	Ngô Thu	Trà	Nữ	28.04.2003	Hà Nội		
17	B00495	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	21.11.2004	Bắc Ninh		
18	B00496	Hoàng Thị Kiều	Trang	Nữ	28.10.2004	Hà Nội		
19	B00497	Nguyễn Linh	Trang	Nữ	01.01.2004	Phú Thọ		
20	B00498	Lê Thị Thùy	Trang	Nữ	23.01.2004	Thanh Hóa		
21	B00499	Phạm Thị	Trang	Nữ	20.02.2004	Thanh Hóa		
22	B00500	Lê Huyền	Trang	Nữ	22.09.2003	Thanh Hóa		
23	B00501	Phạm Thùy	Trang	Nữ	25.08.2004	Thanh Hóa		

Số thí sinh theo danh sách: 23

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÒNG THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH

(TỪ BẬC 3 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM)

Phòng thi số 12 (609 - tầng 6 nhà K)

Thời gian: 13h30 ngày 21/03/2026

STT	SBD	HỌ	TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	KÝ TÊN	GHI CHÚ
1	B00502	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	19.12.2002	Lạng Sơn		
2	B00503	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	23.05.2001	Bắc Giang		
3	B00504	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	14.07.2002	Thanh Hóa		
4	B00505	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	17.10.2003	Bắc Giang		
5	B00506	Phan Thị Quỳnh	Trang	Nữ	08.05.2003			
6	B00507	Trần Hà	Trang	Nữ	02.10.2003	Nam Định		
7	B00508	Hoàng Ngọc	Trâm	Nữ	25.05.2004	Lạng Sơn		
8	B00509	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	22.01.2004	Nam Định		
9	B00510	Bế Quang	Trường	Nam	25.02.2003	Cao Bằng		
10	B00511	Lê Thị Lương	Uyên	Nữ	22.12.2003	Nghệ An		
11	B00512	Hoàng Thị Thùy	Vân	Nữ	16.11.2004	Thái Bình		
12	B00513	Đặng Minh	Vi	Nữ	28.12.2003			
13	B00514	Nguyễn Công	Việt	Nam	21.01.1995	Thái Bình		
14	B00515	Nguyễn Văn	Việt	Nam	10.11.2007	Hà Nội		
15	B00516	Lê Anh	Vũ	Nam	30.10.2004	Hà Nội		
16	B00517	Hoàng Ái	Vy	Nữ	14.01.2004	Hải Phòng		
17	B00518	Vũ Hà Yến	Vy	Nữ	17.02.2004	Thanh Hóa		
18	B00519	Trần Hà	Vy	Nữ	21.10.2002	Nam Định		
19	B00520	Đào Thị Hải	Yến	Nữ	14.09.2004	Hà Tây		
20	B00521	Ma Thẩm Hải	Yến	Nữ	12.07.2004	Bắc Kạn		
21	B00522	Bùi Thảo	Vy	Nữ	26.02.2003	Hải Phòng		

Số thí sinh theo danh sách: 21

Hà Nội, ngày …… tháng ….. năm …….

Số thí sinh dự thi:

Giám thị 1
(ký và ghi rõ họ tên)

Giám thị 2
(ký và ghi rõ họ tên)

2.4